

Bản án số: 334/2018/DS – ST
Ngày: 21 - 9 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 85/2018/TLST-DSST ngày 30 tháng 03 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: 89 L, phường L, quận Đ, TP.H.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 296 P, phường 7, quận P, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân D (vắng mặt), ông K (có mặt)

Bị đơn: Ông Vương Đình Quốc U, sinh năm 1984

Địa chỉ: 29/43A đường B3, phường T, quận T, Thành phố H (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2018 của Ngân hàng TMCP V (V Bank) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Hà Xuân D là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP V cho ông Vương Đình Quốc U vay số tiền 117.000.000 đồng, theo các hợp đồng tín dụng số 3826275 ngày 3/7/2015, số tiền 27.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng (Căn cứ theo đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 24/6/2015); Hợp đồng tín dụng số HCM/14/1822843/HĐTD/UPL ngày 19/9/2014, vay 70.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng (Căn cứ vào đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 5/9/2014); Hợp đồng tín dụng thẻ số 325-P-835190 ngày 29/7/2014, hạn mức thẻ tín dụng 20.000.000 đồng (Căn cứ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 24/7/2014).

Quá trình thực hiện hợp đồng ông U đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ dù Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ.

Tính đến ngày 21/9/2018 tổng dư nợ của ông U cụ thể như sau:

Nợ gốc Hợp đồng tín dụng 3826275 (LD151800419)	23.056.036 đồng
Nợ lãi Hợp đồng tín dụng 3826275 (LD1518400419)	17.473.643 đồng
Nợ gốc Hợp đồng tín dụng HCM/14/1822843/HĐTD (LD1425300250)	44.650.000 đồng
Nợ lãi Hợp đồng tín dụng HCM/14/1822843/HĐTD (LD1425300250)	24.003.861 đồng
Nợ gốc Hợp đồng thẻ tín dụng 325-P-835190	19.868.198 đồng
Nợ lãi Hợp đồng thẻ tín dụng 325-P-835190	39.831.929 đồng
Tổng cộng	168.883.667 đồng

Nay Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông Vương Đình Quốc U phải thanh toán ngay một lần toàn bộ số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/9/2018 của các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng nêu trên là: 168.883.667 đồng (Trong đó nợ gốc là 87.574.234 đồng, lãi là 81.309.433 đồng).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ ý kiến trình bày và yêu cầu trên.
- Bị đơn ông Vương Đình Quốc U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án không lấy được lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Dương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Về nội dung:

Ngân hàng TMCP V có cùng ông Vương Đình Quốc U ký kết các hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng. Tính đến ngày 21/9/2018, ông U còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 168.883.667 đồng (Trong đó nợ gốc là 87.574.234 đồng, lãi là 81.309.433 đồng). Nay ông U vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP V, buộc ông Vương Đình Quốc U phải thanh toán cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 21/9/2018 là 168.883.667 đồng (Trong đó nợ gốc là 87.574.234 đồng, lãi là 81.309.433 đồng). Ngoài ra từ ngày 22/9/2018, ông U còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất tại các hợp đồng trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, Hội đồng xét xử xác định vụ án trên là tranh chấp về hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng. Do bị đơn ông Vương Đình Quốc U có nơi cư trú cuối cùng tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Vương Đình Quốc U đã được Tòa án nhân dân quận T niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo qui định tại các Điều 177, 208, 209, 210 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông U vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông U theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu ông U thanh toán toàn bộ khoản nợ đến hạn là 26.837.000 đồng: Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng và lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì có đủ cơ sở để xác định ông Vương Đình Quốc U còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 3826275 (LD151800419) ngày 3/7/2015, tiền gốc là 23.056.036 đồng, tiền lãi là 17.473.643 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HCM/14/1822843/HDTD/UPL ngày 19/9/2014, tiền gốc là 44.650.000 đồng, tiền lãi 24.003.861 đồng.

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-835190 ngày 29/7/2014, tiền gốc là 19.868.198 đồng, tiền lãi là 39.831.929 đồng.

Tổng cộng 168.883.667 đồng (Trong đó nợ gốc là 87.574.234 đồng, tiền lãi là 81.309.433 đồng). Do ông U vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn

yêu cầu ông U thanh toán khoản nợ là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và buộc ông Vương Đình Quốc U có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến 21/9/2018 là 168.883.667 đồng (Trong đó nợ gốc là 87.574.234 đồng, tiền lãi là 81.309.433 đồng).

- Về thời hạn thanh toán: Xét thấy do ông U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế tín dụng nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

Kể từ ngày 22/9/2018 ông U còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông U phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Vương Đình Quốc U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.444.183 (Tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm tám mươi ba) đồng. Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 3.920.000 (Ba triệu chín trăm hai mươi ngàn) đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0010819 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 471; Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V Bank).

- Buộc ông Vương Đình Quốc U phải có trách nhiệm thanh toán cho

Ngân hàng Thương mại cổ phần V (VBank) số nợ của các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thẻ tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 3826275 (LD151800419) ngày 3/7/2015, tiền gốc là 23.056.036 (Hai mươi triệu không trăm năm mươi sáu ngàn không trăm ba mươi sáu) đồng, tiền lãi là 17.473.643 (Mười bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn sáu trăm bốn mươi ba) đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HCM/14/1822843/HDTD/UPL ngày 19/9/2014, tiền gốc là 44.650.000 (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng, tiền lãi 24.003.861 (Hai mươi bốn triệu không trăm lẻ ba ngàn tám trăm sáu mươi một) đồng.

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-835190 ngày 29/7/2014, tiền gốc là 19.868.198 (Mười chín triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn một trăm chín mươi tám) đồng, tiền lãi là 39.831.929 (Ba mươi chín triệu tám trăm ba mươi một ngàn chín trăm hai mươi chín) đồng.

- Thời hạn thi hành: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Địa điểm thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vương Đình Quốc U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.444.183 (Tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm tám mươi ba) đồng.

- Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 3.920.000 (Ba triệu chín trăm hai mươi ngàn) đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0010819 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 22/9/2018 ông Quốc U còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[3] Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (VBank) được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Vương Đình Quốc U được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA